T010 BD 1 (15) 154 Sinh Q4

Đại Tạng Kinh (Linh Sơn Pháp Bảo)

phật nói KINH SINH QUYỂN 4

Kinh 30: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Con Trâu Chúa.

Tôi nghe như vầy: Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ, Phật nói với các Tỳ-kheo: –Về đời quá khứ xa xưa, ở chốn vắng vẻ, khoáng đãng nọ, lúc ấy có một con trâu chúa sống nơi đấy, hay đi đó đây để ăn cỏ và uống nước suối. Khi trâu chúa và đám quyến thuộc họp nhau lại một chỗ, trâu chúa thường đứng trước, dáng vẻ đẹp đẽ, uy thần lồng lộng, đức độ khác lạ hơn chúng, lại luôn nhẫn nhục hòa nhã, mọi nẻo đi đứng đều luôn thể hiện sự an lành. Có một con khỉ cái đứng ở ven đường, nhìn thấy trâu chúa cùng quyến thuộc tụ hội đông đủ, lòng sinh giận dữ, ganh ghét, liền lấy gạch đá, tung cát bụi ném vào đám trâu kia. Bị khinh khi, làm nhục, nhưng trâu vẫn im lặng nhận chịu chứ không chống trả lại. Lát sau, một bộ phận khác của trâu chúa nối nhau tìm đến, con khỉ cái trông thấy cũng lại la mắng, rồi lấy gạch đá, tung cát bụi quăng ném xối xả về phía đàn trâu. Bộ phận đi sau này thấy vua trâu đi trước im lặng không hề chống trả, nên cũng bắt chước nhịn nhục, lòng vui vẻ, ôn hòa, an lành, khoan thai bước đi, chấp nhận sự hủy nhục ấy không lấy đó làm giận. Tất cả đám quyến thuộc của trâu chúa đi qua chưa bao lâu thì lại có một chú trâu nghé theo đàn đi tới, đuổi theo bầy. Lúc đó, con khỉ cái lại mắng chửi, nhục mạ khinh dể nó. Con trâu nghé này lòng giận lắm, chẳng vui, nhưng thấy cả bầy đi trước đã tỏ ra nhẫn nhục, không sân hận, nên cũng học theo cách ấy mà thể hiện sự nhẫn nhục, nhu hòa. Cách con đường đó không xa, nơi rừng cây lớn có vị thần cây sống quanh quẩn trong đó. Khi trông thấy các con trâu bị hủy nhục mà vẫn nhẫn nhịn, không sân hận, bèn hỏi trâu chúa: –Vì sao các ngươi thấy con khỉ cái ấy thốt ra lắm lời mắng chửi, ném gạch đá, tung cát bụi mà vẫn nhẫn nhục, im tiếng, không chút phản ứng gì cả, thế là ý nghĩa gì, ý của các ngươi thế nào? Ông lại làm bài kệ để hỏi: Các ngươi vì cớ gì Nhịn khỉ cái phóng dật Quá độ hung ác thật Các ngươi xem khổ vui. Hòa ái cho ngày mai An lành trong hành động Nhẫn nhục phải coi trọng. Trong quá khứ chúng bây. Mặc gậy đập sừng này Tạo nên bao đầy ải Lại bày nghĩa sợ hãi Mặc nhiên không đáp lại. Con trâu chúa đáp lại: Khi dễ, hủy nhục ta Đối người khác tăng gia

Kia chịu nhiều báo ứng Bệnh hoạn càng thêm ra. Đàn trâu đi qua chưa lâu, thì có đông đảo các vị Phạm chí cùng với một đoàn Tiên nhân thuận đường cùng tới, con khỉ cái ấy cũng lại buông lời mắng chửi, nhục mạ, khi dễ, rồi lấy đá gạch cát bụi tung ném về phía họ. Các Phạm chí tức thời đuổi bắt, lấy chân đạp giết con khỉ đó. Do vậy, thần cây lại làm bài kệ: Tội ác chẳng tiêu mất Gặp họa khi đã mùi Tội ác đã đầy đủ Tai ương phải đến thôi. Đức Phật bảo cho các vị Tỳ-kheo biết, trâu chúa lúc ấy là bản thân Ngài. Lúc còn là Bồ-tát, có tội nên bị đọa làm trâu, là vua trong loài trâu, Ngài thường thực hành nhẫn nhục, tu tập bốn tâm vô lượng là: Từ, Bi, Hỷ, Hộ, tự chứng đến quả Phật. Các con trâu khác và đám quyến thuộc của trâu chúa nay chính là các Tỳ-kheo. Còn con trâu

nghé là các vị Phạm chí, Tiên nhân và các tín đồ tại gia của Đức Phật. Con khỉ cái kia là đại diện của đám dị giáo Ni-kiền sư. Đầu đuôi là như thế, đầy đủ rốt ráo, mọi nẻo hành động đều có thu đạt, thiện ác không hề bị tiêu mất mà luôn như bóng theo hình, như vang ứng với tiếng.

Kinh 31: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Con Thỏ Chúa.

Tôi nghe như vầy: Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ, Đức Phật nói với các Tỳ-kheo: –Ngày xưa, có con thỏ chúa sống cùng với đàn ở trong núi, đói thì ăn trái cây, khát thì uống nước suối, luôn thực hành bốn tâm vô lượng: Từ, Bi, Hỷ, Hộ, dạy dỗ đám quyến thuộc phải nên nhân ái hòa thuận, chớ làm điều xấu ác, thì khi thoát khỏi thân này sẽ được làm thân người, có thể thọ nhận được đạo pháp. Các quyến thuộc đều vui mừng nghe theo lời chỉ giáo, chẳng dám trái mạng. Khi ấy, có một vị Tiên nhân sống trong rừng cây, ăn hoa quả, uống nước suối trong núi, một mình tu tập theo đạo pháp, chưa từng buông thả tâm ý, dốc tạo theo bốn phạm hạnh: Từ, Bi, Hỷ, Hộ, tụng kinh, luôn nhớ nghĩ đến pháp, âm thanh vang tỏa khắp nghe rất hòa nhã khiến ai cũng vui thích. Khi thỏ chúa đến gần nơi đó, được nghe tụng kinh, lòng vô cùng hớn hở, nên nghe không biết chán, bèn cùng với đám quyến thuộc mang trái cây đến cúng dường cho vị đạo nhân. Cứ như thế, ngày qua tháng lại suốt năm, khi mùa đông lạnh lẽo đến, vị Tiên nhân muốn trở về nơi xã hội thế tục, thỏ chúa thấy ông mặc áo, mang bát và cái túi da hươu đựng y phục, nên buồn rầu chẳng vui, lòng đầy lưu luyến, chẳng muốn ông bỏ đi. Thỏ chúa liền đến trước ông, rơi nước mắt, hỏi: –Ngài đi về đâu vậy? Ở đây ngày ngày được trông thấy ngài, tôi lấy làm vui vẻ, quên cả đói khát, y như đối với cha mẹ, nguyện xin ngài ở lại nơi đây, chớ nên bỏ đi. Vị Tiên nhân đáp: –Ta có thân tứ đại, phải giữ gìn nó, nay mùa đông rét mướt đã đến, trái cây đều hết, nước suối trong núi này sẽ đóng băng, lại không có hang kín để có thể ở được, nên mới tính bỏ đi dựa vào xã hội đông đảo dưới kia làm kẻ khất sĩ xin ăn, nghỉ tạm ở tinh xá chờ qua

mùa đông lạnh lẽo thì ta sẽ tới đây gặp lại nhau, vậy chớ nên lo lắng ưu sầu. Thỏ chúa nói: –Đám quyến thuộc của chúng con sẽ đi khắp nơi, lục lọi khắp chỗ để tìm kiếm trái cây nhằm cung cấp đủ cho nhau, chúng con nguyện một lòng một dạ, xin ngài thương xót tế độ cho. Giả sử ngài bỏ đi, nỗi luyến thương càng tăng thêm buồn bã, sầu khổ, hoặc chẳng tự bảo toàn được. Còn như hôm nay, không có đủ phẩm vật để cúng dường, thì xin lấy thân con để dâng lên đạo nhân. Vị đạo nhân thấy vậy, thương cảm hết mực, thấu được lòng dạ chí thành của thỏ chúa, phân vân chưa biết phải thế nào. Vị Tiên nhân này thờ lửa, trước mặt có đống than đang cháy rực. Thỏ chúa nghĩ là vị đạo nhân này đã bằng lòng nên mới im lặng, thế là nó bèn gieo mình vào đống lửa. Lửa đang bừng bừng cháy đỏ, thỏ chúa vừa rơi vào trong ấy, vị Đạo nhân muốn cứu, nhưng nó đã chết. Sau khi chết, thỏ chúa được sinh lên cõi trời Đâu- suất, làm thân Bồ-tát, công đức đặc biệt tôn quý, uy thần lồng lộng. Vị Tiên nhân thấy thỏ chúa đã vì đạo đức mà không tiếc thân mạng mình, nên thương xót lắm và cũng nghiêm khắc tự trách bản

thân, rồi tuyệt cốc, chẳng ăn uống gì, thần hồn về nơi cõi trời Đâu-suất. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo: –Con thỏ chúa ngày ấy là bản thân Ta, các quyến thuộc của thỏ nay là các vị Tỳ-kheo đây, còn vị Tỳ-kheo kia nay là Đức Phật Định Quang. Ta làm Bồ-tát chuyên cần khổ hạnh như thế, luôn tinh tấn chẳng chút biếng trễ, vì kinh điển, đạo pháp nên chẳng hề tiếc thân mạng, tích lũy công đức từ vô số kiếp mới chứng đắc Phật đạo. Vậy các vị phải nên tinh tấn, siêng năng, không được phóng dật, không được lười nhác, nỗ lực đoạn trừ sáu tình như cứu lửa cháy đầu, tâm không tham vướng, luôn tự tại như chim bay lượn giữa hư không. Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 32: Đức Phật Thuyết Giảng Về Việc Không Sợ.

Ngày xưa có một người tánh tình vốn hiền lành, nhân đức, phụng thờ kinh pháp, giữ giới luật, dốc sức tu tập tinh tấn, vun bồi đức hạnh. Mỗi ngày đều tự nghiêm khắc trách mình, việc làm không vướng tội lỗi xấu ác, bản thân luôn tuân hành theo lề lối sống trong thiên hạ, đi lại với bốn chúng, dứt hết những ý tưởng cấu uế, hành động chân chánh không bị mê hoặc, tu tập sáu pháp của hàng Bồ-tát là: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm và Trí tuệ, dứt mọi nẻo mong cầu, dùng đạo pháp để tự bảo vệ, đến với bạn đồng học không hề có tâm tính toán sai khác. Như ở đâu có pháp hội, ông liền đến đó để nghe kinh, không nhàm chán mệt mỏi, luôn nhớ nghĩ đến công đức của Phật, tán thán Phật là Bậc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, là Phật Thế Tôn, ân đức của Đức Phật ấy đã ban bố lưu truyền rộng khắp. Ông cũng ca ngợi diệu nghĩa của đạo pháp, ý chí chỉ đặt ở nẻo vô vi giải thoát là gốc của đạo pháp, luôn thấm đượm dịu ngọt hương của giáo pháp lan tỏa rộng khắp, mười phương thảy đều hay biết, bỏ ác tích thiện, còn ở nhà là ô nhiễm, xuất gia mới là vô vi, giải thoát, ý chí thường suy tư về giáo pháp, lấy giáo pháp làm nhiệm vụ, chuyên cần tụng kinh pháp như uống nước cam lộ, giáo pháp là thuốc đạo trị liệu nhiều bệnh, giáo pháp là cây cầu nối thông các nẻo qua lại, giáo pháp là chiếc thuyền đưa những người chưa giác ngộ tới được bến giác, giáo pháp là mặt trời, mặt trăng chiếu sáng ngày

đêm, trừ khử tối tăm, làm tiêu tan bóng tối che phủ, thấy được nơi vô hình. Ông lại tin tưởng ở Thánh chúng, các vị tu học trong chúng cũng như các dòng nước chảy dồn về biển lớn. Những vị trong Thánh chúng, hoặc đã đắc quả Đạo tích, hoặc đắc quả Vãng lai, hoặc đắc quả Bất hoàn, hoặc thành tựu đạo quả Vô trước, quả Duyên giác, hoặc hành Bồ-tát hạnh, cho đến bậc Bất thoái chuyển, Nhất sinh bổ xứ và chứng được đạo quả Vô thượng Chánh chân, cũng do từ đấy mà sinh ra, giáo pháp ấy là vô tận, không bờ bến giới hạn, nói chung biển đạo pháp là hết sức sâu xa vi diệu. Nẻo phụng sự hành hóa của Bồ-tát luôn qua lại cùng khắp để độ thoát tất cả muôn loài, không gì là không dốc sức tế độ. Nhờ vào trí tuệ giác ngộ cao diệu, nên không còn bị một nơi chốn nào ngăn ngại. Người ấy mỗi khi hành động, ra vào nơi bốn chúng, thường ca ngợi Tam bảo, bản thân thì tự quy y, từ đó giáo hóa tất cả, thường tôn trọng ba việc: Một là dấy khởi, tạo lập công đức như tu sửa chùa Phật. Hai là tụng kinh niệm đạo, tuyên dương

kinh điển, giáo pháp. Ba là tâm ý luôn định tĩnh, dứt mọi phóng dật, phụng trì, thể hiện bốn tâm vô thượng là: Từ, Bi, Hỷ, Hộ, thực hành các phép không, vô tướng, vô nguyện, hiểu rõ nẻo quyền biến khéo léo, tùy thời mà hóa độ người, khiến họ phát đạo tâm. Khi người ấy tuổi đã lớn, thọ mạng sắp hết, thì những người trong bốn chúng cùng học, những người bà con gần gũi trong vùng và các nơi khác đều đến thăm hỏi: “Sắp ra đi không gì phải lo sợ, luôn an tâm, chớ sợ!” Người kia liền làm bài kệ đáp: Các ác ta lánh xa Làm công đức tối đa Nay thân này đã hết Sợ hãi sạch lòng ta. Giống như cây cầu nối Trụ cứng cầu vững đà Như người đi thuyền chắc Bờ giác ngộ ắt qua. Mọi người nghe kệ thảy đều vui mừng hớn hở. Người kia mạng chung, sau khi chết được sinh lên cõi trời Đâu-suất cung kính đảnh lễ Phật Di-lặc, chứng được quả Bất thoái chuyển, cùng với các vị Bồ-tát giảng kinh, luận pháp, khai thị giáo hóa những chúng sinh chưa được giác ngộ.

Kinh 33: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Năm Trăm Đứa Trẻ Nhỏ.

Tôi nghe như vầy: Một thời, Đức Phật du hóa tại nước Ba-la-nại cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị và các vị Bồ-tát. Bấy giờ có năm trăm đứa trẻ thường chơi đùa với nhau, tâm đầu ý hợp, cùng kết làm bạn bè, ngày ngày cùng đi chơi với nhau, coi nhau như một, không chút phân biệt, một ngày không gặp mặt xem dài bằng trăm ngày, rất kính trọng nhau. Một ngày kia, chúng đi chơi gần sông nước, lấy cát đắp làm tháp, miếu, đứa nào cũng nói: “Tháp của tao là đẹp nhất, mày nên bắt chước làm đi.” Năm trăm đứa trẻ kia, tuy có tâm lành, nhưng phước đức của đời trước mỏng manh. Khi ấy, ở trong núi, trời đổ mưa lớn, nước lũ tuôn về làm nước sông dâng lênh láng tràn ra khắp nơi cuốn trôi mất năm trăm đứa trẻ đang chơi, khiến chúng bị

chết chìm trong nước, cuốn theo dòng chảy. Mọi người nhìn thấy không ai là không than thở thương tiếc, đều nghĩ: “Thật đáng thương, thật đáng thương thay!” Cha mẹ chúng thương khóc thảm thiết, không thể tự kiềm chế được, không biết tìm kiếm tử thi con ở đâu, càng thêm sầu buồn thê thảm. Khi ấy, mọi người đều quay trở lại, các Tỳ-kheo trình bày đầy đủ việc này và hỏi ý Đức Phật. Đức Phật bảo với mọi người: –Ta đã sớm biết thọ mạng đời trước của chúng, không thể xin cầu được. Ngài gọi cha mẹ chúng, bảo là chớ có buồn khổ, năm trăm đứa trẻ ấy đời này túc mạng đã ứng như vậy. Nay tuy thọ mạng chúng hết, nhưng đã được sinh lên cõi trời Đâu- thuật, đều cùng phát tâm tu tập hạnh Bồ-tát. Đức Phật bèn phóng hào quang sáng tỏa để cho cha mẹ chúng thấy các con tại đây. Khi Đức Phật từ xa gọi: “Năm trăm đồng tử hãy đến!”, thì các đồng tử đều đến đứng giữa hư không, tung rải hoa cúng dường Đức Phật, rồi hiện xuống cúi đầu đảnh lễ, xin quy y Đức Phật. Các đồng tử nói: –Nhờ ân Đức Thế Tôn, tuy thân mạng mất, nhưng chúng con được sinh lên cõi trời, gặp Đức Phật Di-lặc, xin Ngài rủ lòng Từ bi ân đức, hóa độ cho những người chưa được giác ngộ. Đức Phật: –Lành thay! Các con có sự tính toán rất hay, hiểu biết về đạo pháp chí chân giác ngộ, tạo lập chùa tháp, do nhân lành ấy mà được sinh lên cõi trời, được gặp Phật Di-lặc, thọ nhận lời dạy về đạo pháp. Đức Phật còn vị họ mà thuyết pháp, khiến họ thảy đều vui mừng, an trụ nơi pháp Bất thoái chuyển, mỗi người đều thưa với cha mẹ: –Xin cha mẹ chớ có buồn rầu, mỗi

người sống đều có mạng, không thể cản lại được, vì thế phải nỗ lực tinh tấn, lấy đạo pháp để tự tu tập. Người sống trong ba cõi như bị giam hãm trong tù, chỉ có đắc đạo, vượt khỏi cuộc đời sinh tử thì mới hoàn toàn tự tại. Vậy nên quy y Tam bảo, thoát khỏi sự chi phối của ba dòng, phát tâm Bồ-đề mới mong được lâu bền, du hóa khắp nơi, độ thoát tất cả. Cha mẹ thảy đều nghe theo những lời chỉ dẫn của con, nên đều phát khởi đạo tâm. Khi ấy, các người con trên trời kia cúi lạy nơi chân Đức Phật, đi nhiễu quanh ba vòng, làm lễ xong lui ra bỗng nhiên biến mất, trở về cõi trời Đâu-thuật. Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 34: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Cây Cỏ Độc.

Ngày xưa, ở một nước kia có rừng cây lớn, cây cối um tùm cao ngất trời, không ai chặt phá. Trong khu rừng ấy có vị thần cây, thông đạt nghĩa lý, vào ra hành động luôn thích hợp, không giống với những kẻ khác, thường hay đi đến khắp bốn phương, trải qua nhiều khu rừng lạ. Bấy giờ, thần cây rất vui vẻ nên để mặc cho những người vào rừng hái quả, kiếm củi, cắt cỏ, chẳng chút hờn giận. Nước suối có bóng mát phủ che, uống vào luôn an lành. Khi ấy, có con chim từ phương xa bay tới, miệng ngậm cây cỏ hết sức xấu độc, lượn qua khu rừng đó, ném cây cỏ độc xuống. Cây cỏ độc vừa rơi chạm vào cành thì độc tố đã thâm nhập vào cây, làm cây bị khô quá phân nửa. Thần rừng cây thấy thế, lòng nghĩ: “Chất độc này quá hung ác, vừa rơi vào cây chỉ trong giây lát đã làm khô nửa cây, chưa hết nửa ngày, chưa hết đêm tối mà đã khô héo như thế, thì chưa tới mười ngày, cây cối trong khu

rừng này sẽ khô héo hết!” Đang chưa biết làm thế nào để trừ khử độc tố tai hại kia, thì giữa hư không có vị Thiên thần nói: –Này vị thần cây, chẳng bao lâu có bậc cao minh trên đường du hóa sẽ đi ngang qua khu rừng cây này, ông hãy chuẩn bị giấu vàng trong rừng, để thuê ông ấy trừ độc này, trừ sạch từng gốc cây một, khiến không còn một chút chất độc nào cả nơi cây thì các người mới được yên ổn lâu dài, nếu không như vậy thì ngày chưa tối, cái cây bị độc ấy sẽ khô hết, rồi tiếp đến là cả rừng cây. –Vị thần cây nghe theo lời bảo, hóa làm người đứng bên đường chờ đợi. Khi người đó đến, ông liền nói: –Tôi có kho vàng sẽ xin biếu ông, xin ông ra sức diệt trừ tận gốc thứ độc tố trong cây bị nhiễm độc này. Người kia nghe nói sẽ được cả kho vàng lớn, liền mau mắn nhận lời. Ông liền trừ tuyệt tận gốc thứ độc tố phá hại cây đó. Thần cây vui mừng, liền dâng cho người ấy kho vàng, người ấy nhận lấy vàng rồi cáo lui, nhà cửa nhờ đấy trở nên giàu có. Thần cây thì vui mừng vì tránh được cái nạn nhiễm độc, cây cối yên ổn lâu dài, hoa trái sum suê, chẳng còn lo bị độc hại nữa, các tội tiêu tan hết. Đức Phật nói: –Rừng cây ấy là ví cho ba cõi, ông thần cây là ví cho vị Bồ-tát phát tâm cứu độ chúng sinh, con chim từ phương xa mang độc hại đến là ví cho các tưởng về ma chướng có từ vô minh, thần trên hư không chính là Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Đức Phật mượn chuyện này nhằm dẫn dạy cho những người tu học đạo pháp, đừng theo nẻo ma, phải thuận theo bạn lành là các bậc Bồ-tát Đại sĩ và những người đồng chí cùng tu học, mới mong diệt trừ được ba thứ cấu nhiễm và các tai ách nhọc nhằn. Việc giải trừ độc tố cho cây tận gốc rễ là ví cho việc tiêu diệt cái tối tăm của dâm, nộ, ngu si.

Nếu không trừ dứt được chúng thì luôn bị chìm đắm trong ba cõi, tội lỗi cứ chồng chất, phủ che thì không có cái uy thế gì có thể cứu độ được chúng sinh thoát khỏi khổ não của sinh tử. Việc tặng cho kho báu là ví cho kho báu đạo pháp. Các vị Bồ-tát Đại sĩ lần lượt giúp nhau để hoàn thành sứ mạng độ sinh, cũng như muôn dòng sông đều chảy về biển lớn. Thần cây vui mừng, không còn hoạn nạn sầu khổ, tiếp tục ở lại rừng cây ấy là các vị Bồ-tát đã chứng được pháp nhẫn Vô sở tùng sinh đại bi, nhân đấy mà luôn qua lại nơi ba cõi để hóa độ khắp tất cả chúng sinh. Việc được của báu vui mừng, gia đình trở nên giàu có ấy là chỉ cho việc đạt được pháp Tổng trì sáu Độ vô cực, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, tu bốn tâm vô lượng, bốn ấn, mười lực, hòa hợp khéo léo với bốn vô sở úy, các căn tịch định, ấy chính là của quý báu vô hạn, đạo pháp giàu có vô lượng. Việc trở về nhà ấy chính là sự giải thoát trở về với cái gốc thanh tịnh chân thật của cõi đạo. Từ đó, thị hiện thân Phật để hoằng dương đạo pháp, khai thị hóa độ khắp mười phương, không ai là không chịu ân.

Kinh 35: Đức Phật Thuyết Dụ Về Con Ba Ba.

Thuở xưa có một con ba ba chúa, sống đi đây đi đó trong biển cả, qua lại khắp nơi lấy làm vui sướng. Khi ấy, ba ba chúa ra đến bờ biển, lên sát mép nước mà nằm. Thân nó vừa dài vừa rộng, mỗi bên đến sáu mươi dặm, nằm phơi mình ở đấy trải qua nhiều ngày, nên cứ

ngủ say trên mặt đất, không động đậy gì cả. Bấy giờ, có một đoàn lái buôn từ phương xa tới đi ngang qua đó, thấy chỗ này tưởng là bờ biển cao ráo liền với đất, có thể đi được. Năm trăm khách buôn, xe ngựa, gia súc, số đông lên đến hàng ngàn đều dừng lại ở trên lưng con ba ba. Người ta còn chẻ củi, nhóm lửa, nấu đồ ăn thức uống và chăn thả súc vật như trâu, ngựa, lừa, la, lạc đà... đi lại, đứng nằm trên lưng con vật khổng lồ ấy. Lúc ấy, con ba ba chúa thân bị đốt nóng quá khiến nó cựa mình, tức thì chuyển thân bò nhanh vào biển lớn, bơi chạy khắp đó đây nhưng lửa hại trên lưng vẫn không dứt. Các người khách buôn thấy vậy cho là động đất, nước biển dâng tràn, nên họ kêu gào thảm thiết: –Hôm nay nhất định bị chết, phải làm sao đây? Thân con ba ba bị đau nhức không thể chịu đựng được, nên nó liền lặn sâu hút vào lòng biển, dìm chết mọi người cùng với trâu ngựa, gia súc cũng đều thiệt mạng. Khi đó, vị Bồ-tát nói với các đệ tử: –Cái thí dụ nêu trên là để giảng giải ý như sau: Đoàn khách buôn từ xa đến là chỉ cho con người trong ba cõi. Năm trăm khách buôn là chỉ cho năm ấm, sáu trần và cái nạn của các nhập. Thân con ba ba rộng dài mỗi chiều sáu mươi dặm là chỉ cho hai lớp giao tiếp của sáu thứ dẫn dắt của mười hai nhân duyên, khiến chúng sinh luân chuyển mãi trong cõi sinh tử không bến bờ, đi khắp năm nẻo không biết bao giờ mới chấm dứt. Đốt lửa nấu ăn là chỉ cho ba độc lây lan dữ dội, dục tình dấy khởi mạnh. Con ba ba chạy vào trong biển rộng là chỉ cho kẻ phạm mười điều ác, chết bị đọa trong ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chịu biết bao là thống khổ không thể nói hết. Cho nên Đức Như Lai hiện rõ Thánh đức, trí tuệ giác ngộ lớn lao không cùng, qua lại cõi sinh tử để cứu độ các chúng sinh bị những ách nạn hiểm nguy, tội lỗi che lấp, mờ tối không tỏ, làm hiển bày cái vẻ rực rỡ của đạo pháp, khiến cho tâm ý của chúng sinh được mở

mang, cùng phát khởi đạo tâm Vô thượng chánh chân.

Kinh 36: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Vị Bồ-tát Đã Từng Làm Con Ba Ba Chúa.

Thuở xưa, có vị Bồ-tát đã từng làm con ba ba chúa, sinh ra lớn lên trong biển rộng, giáo hóa đồng loại như đám con cái, dân chúng đều phải tu nhân tích đức. Chính bản thân ba ba chúa cũng phụng trì chánh pháp, thực hành bốn tâm vô lượng là Từ, Bi, Hỷ, Hộ, thương xót chúng sinh như người mẹ thương yêu đùm bọc nuôi nấng con mình. Ba ba chúa du hành trong biển giáo hóa tất cả đồng loại chưa được giác ngộ, đều nhằm đem an lành đến cho mọi vật, cùng cuộc sống sung túc, chẳng còn đói rét. Biển này rất sâu rộng, bờ vực vô hạn mà nó đã đi tới khắp cả, không chỗ nào là không trải qua, để cứu độ các trường hợp nguy ách, khiến các tội lỗi được tiêu trừ. Lúc ấy, con ba ba chúa ra khỏi biển đến tận bờ nằm nghỉ, trải qua nhiều ngày tháng, thân nó vững chắc như chỗ đất cao liền với mặt đất. Khách buôn từ xa tới thấy chỗ này cao ráo thì dừng lại trên đó, chẻ củi nhóm lửa nấu ăn. Họ còn buộc, nhốt ở đấy nào là trâu, ngựa, chất đầy các thứ hành trang chở theo và cả xe cộ nữa. Con ba ba chúa thấy cảnh tượng ấy, lại bị lửa thiêu đốt cháy trên lưng mình, mà người, xe cộ đều ở trên đó cả, khốn nỗi nó không thể nói được, muốn lặn sâu trong nước thì lại sợ làm hại mọi người, là điều bất nhẫn trái với tâm đạo, nên nó cố gắng chịu đựng, nhưng nỗi đau đớn không thể tả xiết. Ba ba

chúa bèn nghĩ ra một kế sách quyền biến, là sẽ vào chỗ biển cạn để ngâm thân mình, dập tắt được lửa dữ mà chẳng làm nguy hại tánh mạng đám khách buôn, quả là nhất cử lưỡng tiện, không gì là sai trái. Đúng như suy nghĩ, nó liền thực hiện phương kế ấy, đám khách buôn rất sợ hãi, cho là nước biển dâng tràn đến, nên kêu gào thảm thiết: –Chúng con phen này nhất định chết mất! Chúng con xin quy mạng chư vị Đế Thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương, thần ánh sáng mặt trời, mặt trăng, xin các ngài dùng oai thần cứu vớt chúng con. Con ba ba chúa thấy vậy, càng thêm thương xót, nhân đó, nó báo cho đám khách buôn biết: –Thận trọng, chớ có sợ hãi! Ta bị lửa thiêu đốt nên mới rời chỗ nằm chạy vào nước bể để dứt trừ sự đau đớn, nay đã yên rồi, không còn gì nguy hiểm nữa đâu! Đám khách buôn nghe được, lấy làm mừng rỡ, biết có hy vọng sống sót, liền cùng nhau kêu to lên: –Nam-mô Phật. Con ba ba dấy khởi lòng Từ bi lớn lao, dần dần mang hết đám khách buôn cùng vật dụng chuyển tới sát bờ biển, mọi người được thoát chết, ai cũng vui mừng, đứng từ xa bái lạy con ba ba chúa, ca ngợi đức độ của nó, tôn xưng nó là chiếc cầu đưa họ đi qua an toàn, việc làm ấy chính là chiếc thuyền chở họ vượt qua ba cõi, thành tựu được Phật đạo, sẽ trở lại cứu độ mọi người thoát khỏi khổ nạn của sinh tử. Con ba ba chúa đáp lại: –Lành thay! Lành thay! Đúng như lời của Đức Như Lai. Các ngươi hãy tự rời khỏi đi! Đức Phật nói: –Con ba ba chúa thời đó là thân Ta, năm trăm khách buôn là năm trăm người đệ tử như Hiền giả Xá-lợi-phất… Tìm biết về thọ mạng từ đời trước, vì đệ tử mà thuyết giảng, là Đức Phật muốn khiến họ phải quyết chí tu đức.

Kinh 37: Đức Phật Thuyết Dụ Về Sự Độc Hại.

Thuở xưa, có một gia đình, cả nhà thích làm việc độc hại. Hễ một hành động độc hại được làm xong thì trong nhà được giàu có thêm. Thọ mạng đời trước, tội phước quả báo bọn họ đều mặc kệ. Cả nước đều ghét, chẳng ai dám qua lại làm việc với họ, sợ gặp họ như gặp điều nguy hại. Cả nước đều lánh xa, nên họ muốn cưới vợ cho con cái thì không ai dám gả, ai cũng nói cho nhau biết đó là gia đình chuyên làm việc độc hại, là việc làm ác độc nhất trên đời, chẳng hợp với nghĩa lý, chỉ muốn hại mạng người. Như muốn kết sui gia với họ, thì khi hết nơi nào bỏ độc, họ sẽ quay lại bỏ độc cho mình, vì vậy mà mọi người đều xa lánh họ như xa lánh giặc dữ. Giặc cùng với người giao đấu, tay sử dụng võ đánh đấm nhau, hãy còn phân biệt được kẻ mạnh người yếu, chứ như gia đình dùng độc hại, âm thầm hại người thì khi người bị chúng hại rồi, mạng sống không thể cứu được nữa. Mọi người đều biết như thế nên ai cũng xa lánh, không cùng họ cộng tác trong mọi công việc. Người này gặp cảnh khốn đốn vô cùng trong việc đi tìm vợ cho con khắp nơi mà không nơi nào chịu gả cả. Nhân đó, hắn mới đi xa hơn ngàn dặm sang nước khác để tìm vợ cho con. Gia đình hắn thì giàu có sang trọng, còn nhà cửa bên người con gái lại nghèo khó, eo hẹp. Gia đình này thấy hắn giàu có

nên tham mà gả con gái cho, không bị hắn bỏ độc hại, lại còn thu thêm được của cải. Hắn đưa người con gái về nhà làm lễ thành hôn rất uy nghi, đầy đủ. Ra vào lễ lượt, làm cho gia đình ấy hao tốn nhiều của cải nên phải bỏ độc hại người thì mới giàu có như cũ. Cha mẹ chồng bảo nàng dâu đi bỏ độc giết người này và nói: –Cái nghề gốc của gia đình ta là tự mình phải làm như thế! Nàng dâu nghe bảo thế thì buồn rầu, thưa với cha mẹ chồng: –Cha mẹ con làm lành, chưa hề làm hại ai, nên con không nhận việc bỏ độc hại người, có chết thà chết chớ không vi phạm, cha mẹ có mắng chửi, con cũng không thể nghe theo lời được. Nhân đó, vợ chồng người này thưa với thần độc hại: –Hôm nay chúng con sai nàng dâu này đi bỏ thuốc độc hại người mà nó chẳng chịu nghe lời, phải làm sao đây? Thần độc hại đáp: –Ta phải cải hóa nó, để nó chẳng còn trái lời dạy bảo nữa. Thần liền hóa làm con rắn độc bò đến chỗ nàng dâu, nàng này sợ hãi không biết phải tránh con rắn độc ở đâu. Con rắn hoặc hiện ở trên đầu, khi ăn thì hiện trước mặt, khi uống thì hiện trong đồ dùng, khi ngủ thì hiện trên giường, khi bước đi thì nó theo sau. Nàng dâu kia sợ hãi quá, không biết phải chui vào đâu, trở nên gầy ốm trơ xương, không thể ăn uống được. Thần độc hại mới ra lệnh cho nàng dâu đi bỏ thuốc độc hại người. Khốn cùng, không còn cách nào khác, nàng dâu đành theo lời dạy bảo của thần độc hại. Lúc ấy, có người nhà của nàng dâu đến thăm, thấy thân hình người con gái gầy ốm, chẳng an lành, thì lấy làm ngạc nhiên, hỏi lý do vì sao như vậy. Người con gái nói hết đầu đuôi câu chuyện, rồi dặn: –Về đến nhà ta, phải thưa với cha mẹ ta mau chóng tới đón ta về, còn không thì nhất định ta phải bị chết. Người quen trở về thuật lại đầy đủ cho cha mẹ nàng nghe chuyện đó. Ông bà buồn khổ, bồn chồn, người cha bèn chuẩn bị xe ngựa, nhanh chóng đi đón con gái về. Đến nơi, ông nói với cha mẹ chồng người con gái: –Mẹ con gái tôi thương nhớ khóc lóc suốt đêm, quá nhớ con gái nên khiến tôi đến đón nó về để mẹ con được gặp nhau, ít lâu sau sẽ cho trở lại nhà chồng. Cha mẹ chồng bằng lòng cho đi. Người cha đưa con gái về nhà, sau đó ông nói với cha mẹ chồng người con gái: –Gia đình ông chuyên bỏ thuốc độc hại người, ta đoạt nàng dâu của ông, không trả lại đâu. “Hai bên xảy ra cuộc tranh cãi, nếu như có pháp quan thì sẽ

cho bên nào được?" Đây là nỗi lo âu về sự tuyệt diệt cho cả nhà, nên cha người con gái nhất định không nghe theo. Nếu bên gia đình chồng bỏ việc hạ độc hại người ta thì ông mới cho con gái về làm dâu. Hai vợ chồng cha mẹ nàng dâu bàn với nhau: –Người con gái này thật đoan chánh, trên đời ít có, không thể bỏ được, thà bỏ cái nghề làm chuyện độc của gia đình. Hơn nữa, nếu quan hay được thì càng nguy hại! Liền ngưng ngay cái nghề độc hại ấy cùng với người cha cô gái lập lời thề ước không dám phạm nữa. Ông sai người đem bỏ thần độc hại, từ đó trong gia đạo trở nên an lành. Thần độc hại kia là ví cho bốn thứ ma, làm việc hại độc cầu được giàu có là ví cho các thiên ma và đám quỷ thần xấu ác. Ngày ngày chọn dâu, người trong nước không ai chịu gả, là ví cho những người không theo giáo pháp của ma. Người đi tìm nàng dâu, phải đến phương khác tìm kiếm được nàng dâu là ví cho pháp cấu nhiễm. Dạy khiến hại độc nhưng

không nghe theo ấy là ví cho việc biết rõ là ma, không bị rơi vào năm ấm. Sai người về báo với cha mẹ ấy là cho việc theo giáo pháp Bát-nhã với phương tiện quyền xảo. Báo cho người cha đến đem con về là ví cho việc theo về với gốc Không. Khiến người con gái có chồng kia ngưng độc hại trở về cùng với mẹ ấy là ví cho trừ khử ba độc, các vọng tưởng, cầu ứng hợp với bốn tâm vô lượng. Nhờ sáu pháp Độ vô cực và các phương tiện khéo léo thích hợp để hóa độ tất cả chúng sinh trong ba cõi, đạt đến trí tuệ chánh chân vô bờ.

Kinh 38: Đức Phật Thuyết Giảng Về Việc Dạy Bảo Con.

Thuở xưa, có một người, cha mất sớm, sống côi cút một mình với mẹ, chưa được răn dạy đầy đủ, ra vào không biết hạn chế, không theo đúng lễ giáo, vi phạm lời dạy trong điển tịch của các Thánh nhân đời trước, chẳng chịu học hỏi lãnh hội kinh pháp, bị bạn ngu mê hoặc, kết bè với chúng để vui chơi rượu chè, cờ bạc, phô trương hình sắc, ham chuộng vỏ bên ngoài, dục tình buông thả, lêu lổng đó đây. Hắn chẳng chịu lấy việc hiếu thuận, tu sửa tâm đức để lập thân, lại phạm nhiều tội ác, miệng nói lời thô tục, lòng nghĩ những điều độc hại, chẳng nhớ tới lời dạy dỗ, dặn dò của thân sinh, chỉ lấy điều phi pháp cùng hành động bừa bãi làm sự nghiệp. Người mẹ rất khổ vì đứa con như thế. Nhân muốn răn dạy đến nơi đến chốn những phép tắc oai nghi, để cải đổi tâm tánh, hành động của nó, khiến nó biết dè dặt nơi tâm ý, giữ gìn mồm miệng, phụng trì điển tịch của Thánh nhân đời trước, sửa đổi thân tâm theo phép tắc của tổ phụ, cung kính thọ trì đạo pháp vô bờ của Đấng Thế Tôn, người mẹ đem tấm lòng thành của mình nói ra lời răn dạy thâm diệu, bảo cho đứa con trai: Con luôn hành nhu hòa Kết bạn lành gần xa Thường tuyên dương, khuyên giúp Tu lâu đắc pháp tòa. Người con hỏi mẹ: Nếu luôn hành nhu hòa Thì sẽ được những gì Như kết giao bạn tốt Thêm được lợi ích chi? Luôn nên khen khuyên giúp Làm sao tu nghĩa này? Tu lâu được chánh pháp, Có thêm hơn gì đây? Người mẹ bảo con: Nếu hành vi nhu hòa Được mọi người kính yêu Nếu kết giao bạn tốt Kiên định không ngã xiêu, Nếu luôn được khuyên giúp Thu hoạch của cải nhiều Tu lâu đắc chánh pháp Khi chết sinh cõi trời.

Người con thưa với mẹ: –Lành thay! Lời dạy của mẫu thân! Lời răn này thật là vô thượng, pháp dạy này thật là vô hạn, lồng lộng khó lường, không thể nêu bày hết được. Con lâu nay ngu tối, quay lưng với ân cao, chạy theo tà ngụy, không biết nẻo chí chân, mê theo bóng sắc, lầm lẫn dòng giống tộc họ, tự cho là tài trí, chẳng sáng mà tự cho là sáng, chẳng đạt mà tự cho là đạt, chẳng biết phân biệt cao thấp trên dưới, nhất là lời dạy sáng suốt của mẫu thân, xem thường việc thiện, quý trọng việc ác, chẳng giữ đúng nẻo hiếu dưỡng để báo đáp ân đức của mẹ hiền, bỏ nhân hậu theo bạc ác, kết với bọn ngu làm bạn, khiến cho sự ngu si mê lầm ngày càng chồng chất thêm. Nhờ chịu sự giáo hóa của mẫu thân hiển bày rõ ràng nhân từ, thể hiện lòng thương lai láng, là cội nguồn của sự nuôi dưỡng làm chuyển đổi, khiến trở nên tốt đẹp hơn, thông đến mười phương, con xin thọ lãnh phụng hành, không dám sai sót hoặc quên lãng. Người con cung kính lạy tạ mẫu thân, quyết tu hành theo sự chỉ dạy của người mẹ, trước sau chẳng hề sai trái. Người con theo đúng pháp mà tiến tu, thường thực hành điều nhu hòa, được cả nước yêu mến. Chọn người lành làm bạn, không hay lấn lướt khinh dể, luôn làm việc khuyên giúp, khiến các trường hợp chia lìa được gặp gỡ, tranh giành được hòa hợp, như vậy mà được dâng tặng rất nhiều của cải, vật báu vô lượng. Người con cung kính cúi lạy quy y Phật, thọ trì năm giới, tu hành mười điều thiện, được chư Thiên hộ trì, bảo vệ. Quốc vương nghe được, triệu vào cho làm đại thần. Nhà vua bảo: –Trẫm nghe đức hạnh của khanh làm cho cả nước vui mừng, nên ra lệnh gọi vào giúp việc. Nước không có bề tôi giỏi, mà chỉ có bề tôi giỏi giúp việc thì mới khiến cho đất nước được thanh bình, an ninh, các nước bốn phương mới chịu quy phục uy đức, khanh như vậy là được hiển vinh. Người kia từ tốn thưa: –Thần chẳng dám trái Thánh ý, nhưng chỉ sợ đức mỏng, chẳng xứng với công việc được giao thì xấu hổ lắm! Không làm tròn trách nhiệm vua giao, khiến muôn dân oán trách, thần thấy việc này quá khó khăn, xin chẳng dám thuận mạng. Nhà vua nói: –Ta thấy nhân đức của khanh thể hiện trong lời nói, hành vi, cử động, tới lui, quả có thể làm được việc ấy, nên mới triệu đến đây! Ngươi kia lặng thinh, được lập làm đại thần. Nhà vua lại bảo: –Có vị quốc vương nọ, đã có lúc cùng ta giao hảo, thắm thiết như ruột thịt, nhưng rồi vì lời gièm pha đồn đãi khiến hai bên kình chống, mất lòng nhau, lâu ngày chầy tháng, mối nghi ngại hiềm khích kia cứ lớn thêm, khó mà hòa giải được. Ta muốn nhờ khanh làm sứ giả đến hòa giải việc này. Nếu thực hiện được, ta sẽ trọng thưởng cho khanh tiền của và địa vị lớn. Người kia tâu: –Xin vâng. Rồi ông dùng tài sản của mình, chuẩn bị đủ các thứ đồ ăn ngon lành và các vật báu mang sang nước kia, vái lạy trình bày với vua nước đó: –Thần tối tăm nhưng chịu ân nhuần nên vì vua của thần làm sứ giả. Thần được sai mang đồ ăn uống và vàng bạc châu báu này đến cống nạp cho đại vương. Trước đây, vua của thần sai lầm, hành động chẳng phải, làm trái thánh ý. Cách biệt từ đó đến nay trải nhiều năm tháng, vua của thần lấy làm xấu hổ, áy náy không yên nên sai hạ thần sang cống nạp, xin đại vương tha thứ những va chạm xích mích cũ, nguồn gốc của các lỗi lầm ấy.

Nhà vua này nghe thế trong lòng hả hê, cũng lại tự trách mình: –Ta từ lâu đã có ý muốn hòa giải, nhưng chưa làm được thì sứ giả ấy đã đến từ tạ trước rồi. Quả là ta chẳng theo kịp ông ấy trong việc này. Rồi chính tay nhà vua viết thư báo cho vị vua kia biết: –Tuy

cách biệt đã lâu, không được đối diện nhau để nói chuyện, nhưng luôn nghĩ đến mối giao hảo trước đây, không ngày nào là không nhớ. Trong thời gian cách biệt, không kịp đến chỗ đại vương, xao lãng không gặp gỡ. Nay đại nhân lại sai hiền thần đem vật ngon, của báu đến tặng biếu, tôi nhớ mãi cái hậu ý tốt này, không bao giờ quên, xin được một lần hội ngộ để xóa bỏ những điều vướng mắc trước đây. Nay tôi xin gởi đến đại vương những vật báu quý giá thay mặt, tỏ chút lòng quý trọng của bản thân tôi! Nhà vua kia được thư mừng rỡ khôn xiết, hẹn ngày gặp gỡ, cùng nhau vui sướng. Họ xét lại nguồn gốc của sự mất lòng trước đây là do bị kẻ khác xuyên tạc và hiểu lầm nhau nên dẫn đến cái tai họa ấy. Nếu hai nước sánh nhau, kết thân thâm hậu, gặp việc hoãn cấp đều cứu giúp nhau thì lại càng thích hợp. Nhà vua liền tặng phong thêm cho quan đại thần tước vị và của báu nhiều vô kể. Tôn giả A-nan bạch Phật: –Lời dạy chí thành của bà mẹ chẳng phải là lớn lao lắm sao! Đức Phật nói: –Thật rất lớn lao! Tôn giả A-nan lại hỏi Đức Phật: –Về đời sau này, mọi người đều nên thực hành lời dạy ấy? Đức Phật nói: –Có người theo, có kẻ không theo lời dạy ấy! Vì sao như vậy? Là vì về đời sau này dân chúng đa phần nghịch loạn, quý trọng điều ác, khinh khi điều lành, tình ý phóng túng, bề tôi muốn hại vua, con giết cha mẹ, đệ tử hại thầy, chẳng nhớ tưởng tới công đức cao dày, chẳng nghĩ đến công ân dưỡng dục, muốn hại tất cả, chỉ biết lo cho mình, ganh ghét thầy mình, chẳng khác nào oan gia, tội lỗi như thế chẳng lớn lắm sao? Vì sao? Bởi vì đệ tử đời sau, trước mặt tỏ ra khiêm cung, sau lưng lại muốn chống đối, lòng dạ không trung thực. Tôn sư ra đời là nhằm tuyên dương, truyền bá đạo pháp, giáo hóa, độ thoát tất cả chúng sinh, nên phản bội, ganh ghét, độc ác đối với tôn sư là những tội đầu trong các tội, không thể lấy cái gì mà nêu bày cho hết được. Còn người đức hạnh ở đời sau thường thường cũng có, giống như cây cối trong thiên hạ tuy nhiều nhưng cây thơm, cỏ thơm thì hiếm lắm. Đất núi càng ít có vàng báu. Người tốt làm phước đức cũng lại như vậy. Khi người xấu làm ác thì bè đảng hùa theo rất đông. Người hiểu biết điều chân chánh rất ít. Thời Phật Di-lặc ra đời, người nhân đức mới nhiều, biết quý trọng điều thiện, khinh chê điều ác, không có bọn a dua, đạo đức hưng thịnh, phát triển khắp chốn không thể nói hết được. Mọi người chuyên tu theo đạo đức vô thượng, không làm điều tội ác xấu xa, luôn hiếu thuận với song thân, tôn kính bề trên, vâng lời sư trưởng, quy y Tam bảo, do đó ba thừa được hưng khởi, phát huy, ba độc bị tiêu diệt, người được hóa độ vô lượng, tất cả đều đạt đến đạo quả. Tôn giả A-nan nghe lời này rồi, buồn vui lẫn lộn nghĩ rằng, nếu như ở đời vị lai mạt pháp mà có những hoạn nạn ấy thì đâu bằng những dân chúng ở vùng núi rừng hẻo lánh, tuy ngu dốt mà có thể biết rõ nẻo đi đến tới lui một cách thích hợp. Nghĩ ngợi như vậy rồi Tôn giả A-nan cung kính đảnh lễ Phật và lui ra.

Kinh 39: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Người Trả Nợ Làm Thân Trâu (Bò).

Tôi nghe như vầy: Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị và hội đủ các vị Bồ-tát. Vào lúc sáng sớm, Đức Phật mặc y, tay ôm bình bát đi vào thành khất thực. Cùng lúc, có người dân phương xa đem theo một con trâu lớn, mạnh mẽ, béo tốt

bán cho người ở trong thành này. Người mua dắt trâu ra về, tính là sẽ làm thịt. Tại cửa thành ấy, con trâu và Đức Phật gặp nhau. Người chủ thấy con trâu vừa to vừa khỏe, sợ nó vùng vẫy nên mời hơn mười người cùng giúp sức dẫn đi. Con trâu từ xa nhìn thấy Đức Phật, trong lòng buồn vui lẫn lộn, bèn bứt đứt dây buộc, sổng chạy rất nhanh, mười người theo bắt mà không thể khống chế được trâu. Nó hướng về chỗ Đức Như Lai mà chạy tới. Đức Phật biết là trâu đang nhớ về thọ mạng đời trước của nó. Tôn giả A-nan thấy vậy nên đã đi lên trước nhằm đánh đuổi nó tránh sang một bên, sợ nó xúc phạm đến Đức Như Lai. Tất cả mọi người ai cũng sợ hãi, sợ nó làm tổn thương tới Đức Phật. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: –Hãy đi lại đây, chớ nên ruồng đuổi nó. Con trâu liền đi thẳng đến chỗ Đức Phật, quỳ hai chân trước, kêu lớn tiếng bên chân Ngài, nước mắt ròng ròng, từ miệng nó phát ra lời thưa: –Kính xin Đức Thế Tôn mở rộng lòng thương xót, cứu độ nguy ách khiến con thoát khỏi nạn ấy. Ở vào đời này, Bậc Đại Thánh rất khó gặp, hằng trăm ngàn ức đời Đức Thế Tôn mới xuất hiện nơi thế gian, là vì để hóa độ muôn loài. Vậy kính xin Ngài rủ lòng đại Từ để con một lần thấy được sự tế độ. Đức Phật dạy: –Lành thay! Thật đáng thương xót! Do tâm ý của ngươi mê lầm mới gặp phải hoạn nạn. Tôn giả A-nan, với các chúng Trời, Rồng, Quỷ, Thần ai cũng ngạc nhiên, lấy làm kỳ quái, vì sao loài súc sinh lại biết quy y với Đấng Thiên Tôn. Tôn giả A-nan bèn bước lên trước, quỳ mọp, hỏi Đức Phật: –Con trâu này vừa gặp Đức Phật, vì sao nó tự quy y Ngài? Chắc là có gốc ngọn thế nào chăng? Đức Phật nói: –Về thời quá khứ xa xưa, có một vị Chuyển luân vương làm chủ bốn cõi thiên hạ, có ngàn người con và bảy thứ báu, trị nước theo pháp chân chánh, không bức bách muôn dân, thiên hạ thái bình, dân chúng được an lành, năm thứ lúa thóc luôn dồi dào. Nhà vua lại có đủ bốn đức, coi dân như con, dân phụng sự vua như cha, các hàng Sa-môn, Phạm chí, Trưởng giả cho tới chúng dân ai cũng tỏ bày tình thân hữu. Bản thân nhà vua chưa từng bệnh hoạn, luôn được khang kiện, an lạc. Người trong bốn cõi thường ca ngợi công đức của nhà vua, lan truyền đến khắp mười phương. Bấy giờ, vị Chuyển luân vương đi du hành xem xét khắp bốn phương xong xuôi, sửa soạn quay về cung, thì trông thấy một người, hình như quen ở đâu đã từ lâu lắm, đang bị người chủ nợ bắt trói nơi gốc cây, không thể đi được. Khi ấy, vị Chuyển luân vương và bảy thứ báu cùng đi theo, đều dừng lại không tiến lên phía trước, lấy làm lạ về sự việc, từ xa trông thấy người quen biết xưa cũ ấy bị người bắt trói là do nợ năm mươi lượng vàng phải trả, nên chủ nợ bắt giữ lại chẳng cho đi. Thánh vương bảo người chủ nợ:

–Mở ra cho nó đi! Ta sẽ trả gấp bội cho khanh là một trăm lượng vàng. Người chủ nợ thưa: –Tôi lại chuyển trả cho ông Mỗ một trăm lượng vàng nên phải lấy số vàng này để bù vào, do đó mà không thể coi thường được. Đức Thánh vương liền ra lệnh cho kẻ bề tôi trở về cung lấy trao cho người chủ nợ ấy một trăm lượng vàng. Kẻ bề tôi vâng lời. Người chủ nợ liền mở trói và người mắc nợ được trở về nhà yên ổn. Chủ nợ nhận vàng của nhà vua nhưng không trả cho ông Mỗ nọ, khiến ông này nhiều lần đi tới cửa vua cầu tìm vàng nhưng chẳng được, tìm người chủ nợ kia thì ông ta đã trốn đâu mất. Trong vòng sinh tử, quanh đi quẩn lại vô số kiếp, chẳng bồi thường số nợ cần trả, cho đến đời này phải bị đọa vào trong loài trâu ấy, chỗ nợ và chỗ bán để trả nợ đã lên đến mấy ngàn lượng vàng, vì vậy trâu mới tới quy y Phật. Duyên từ đời trước đã dắt dẫn

buộc lấy thì sao mà thoát được. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: –Vua Chuyển luân thời ấy là thân Ta, người chủ nợ lường gạt đó là con trâu này đây. Đức Phật là vị Thánh vương đã bảo lãnh để giúp trả nợ, nhưng y đã không trả nợ, nên nay phải quy ngưỡng Đức Phật để cầu trả nợ giúp. Đức Phật nói với người chủ trâu: –Phật sẽ vì ông mà đi khất thực để bù vào đủ số vàng mà ông đã bỏ ra mua trâu. Người chủ trâu không chịu, muốn đòi lấy lại trâu, Đức Phật lại bảo: –Đem cân con trâu này nặng bao nhiêu, ta sẽ bằng lòng trả từng ấy cân vàng cho ông. Vậy mà người ấy vẫn không chịu. Khi đó, các vị trời Đế Thích, Phạm thiên vương đều hiện ra, chắp tay bạch Đức Phật: –Đức Phật chớ đi khất thực, Ngài muốn có được muôn ngàn ức lượng vàng, chúng tôi xin sẵn sàng đem đến trải đầy lên hai bên da trâu. Trời Đế Thích, Phạm thiên, Tứ đại Thiên vương đem vàng đến chất đống rồi trải đầy lên hai bên da trâu, người kia mới chịu không đòi trâu nữa. Đức Phật đem trâu về nơi tinh xá Kỳ hoàn. Vào đấy, trâu xem thấy thân tướng Đức Phật, hình ảnh các vị Thánh chúng và đức hạnh của các vị Bồ-tát thật là lồng lộng không lường, đường đường sáng chói, như mặt trăng trong chòm sao, uy thần tỏa chiếu khắp chốn, không thể nêu bày hết được. Trong thời gian này trâu suy ngẫm, niệm Phật, niệm Pháp và niệm Thánh chúng, qua bảy ngày thì mạng chung, liền được sinh lên cõi trời, tự nhớ và biết được công đức của Đức Thế Tôn đối với đời trước của mình, nên trâu đã trở lại nhân gian tung rải hoa cúng dường Đức Phật, nhằm báo đáp ân đức kia, rồi cung kính đảnh lễ nơi chân Phật. Đức Phật vì nó thuyết giảng kinh pháp, trâu liền phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh chân, tức thì được an trụ nơi địa Bất thoái chuyển, chứng được pháp Nhẫn vô sinh và trở lại cõi trời.

Kinh 40: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Ông Phạm Chí Quang Hoa.

Tôi nghe như vầy: Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị và hội đủ vô số các vị Bồ-tát. Bấy giờ, số người đông đảo, có tới hàng mấy ngàn đang tụ tập tại chỗ Đức Phật, tất cả đều được cạo bỏ râu tóc, làm Sa-môn. Họ tự hợp lại làm thành từng nhóm năm trăm người,

nỗ lực tu trì đạo đức, tinh tấn không chút biếng trễ, thành tựu được thần thông, đoạn dứt được gốc của sinh tử, thảy đều chứng đạt đạo quả, rồi đi khắp mười phương để tế độ chúng sinh. Tôn giả A-nan thưa với Đức Phật: –Tất cả những người học đạo này, kiếp trước đã có những hạnh nguyện, những sự tu tập về đức ra sao nên hôm nay đạt được vinh dự như thế? Trí tuệ, thần thông của họ rõ ràng là bậc nhất. Đức Phật nói với Tôn giả A-nan: –Thuở quá khứ xa xưa, trải qua đến chín mươi mốt kiếp, vào thời Đức Phật Duy Vệ, có một vị quốc vương tên là Chiên-đầu, kinh thành của vua hiệu là Chiên-đầu-ma-đề. Lúc ấy, có một Phạm chí tên là Quang Hoa, học rộng các kinh, tuyên dương truyền bá rộng rãi các pháp điển, không có một nghĩa lý thâm diệu nào mà không thông đạt. Ông Phạm chí này có năm trăm người theo hầu học hỏi, thường hay đến chỗ Đức Như Lai Duy Vệ để nghe giảng và thọ trì kinh điển, khuyến dụ giáo hóa muôn dân, mở mang chỗ còn ngu tối của họ, khuyên bày nẻo chân chánh để thành Sa-môn, lấy việc tu đức làm sự nghiệp. Lúc ấy trong nước đó có tới năm trăm doanh

quân, mỗi doanh đem năm trăm người và đại thần, bá quan cũng đều làm Sa-môn. Có vị trưởng giả giáo hóa chúng dân cũng đều bỏ nhà theo làm Sa- môn, tinh tấn phụng hành giáo pháp, không phạm giới cấm, sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời, thọ mạng ở đấy hết thì lại sinh về nhân gian, lên xuống như thế, lần lượt trước sau, có đến chín mươi mốt kiếp. Nơi đời Phật này, họ cũng đều làm Sa-môn, thảy tụ hội ở chỗ Phật, đảnh lễ Phật xong rồi lui ra ngồi sang một bên. Các chúng Trời, Rồng, Thần, Càn-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, người và không phải người, ai ai cũng đến chỗ Đức Thế Tôn, cúi đầu làm lễ nơi chân Phật rồi lui ra đứng sang một bên. Khi ấy, Đức Phật liền mỉm cười. Tôn giả A-nan thưa: –Do nhân duyên gì mà Đức Phật cười? Thế Tôn Chí Chân không bao giờ vui cười vô cớ, xin nói rõ về ý nghĩa ấy. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: –Ông có thấy các chúng Trời, Rồng, Quỷ, Thần đều tụ hội ở đây không? Tôn giả A-nan đáp: –Thưa, đã thấy. Đức Phật nói với Tôn giả A-nan: –Thời Đức Phật Duy Vệ, có một nước lớn tên là Chiên-đầu-ma-đề, vua tên là Chiên- đầu, đều phụng trì giáo pháp, quy mạng Tam bảo. Lúc đó, có vị Phạm chí tên là Quang Hoa, trí tuệ gồm thâu ba đạt, tóm hết các kinh điển, không một nghĩa lý sâu xa nào mà không thấu tỏ, gặp Đức Phật Duy Vệ đang hóa độ khắp mười phương, trên trời dưới đất ai ai cũng đều quy ngưỡng, ông liền khuyên dụ năm trăm người đến chỗ Đức Phật xin làm Sa-môn, thọ trì kinh điển, giới luật. Bấy giờ, quốc vương ấy đã từ bỏ ngai vàng, đất nước, cùng với năm trăm người cũng làm Sa-môn. Có vị đại trưởng giả cũng giáo hóa đám tùy tùng năm trăm người đi làm Sa-môn, đều thọ trì đạo pháp, tinh tấn tu tập đạt được thần thông, luôn thể hiện bốn tâm vô lượng là Từ, Bi, Hỷ, Hộ, chín mươi mốt kiếp không rơi vào đường ác, chỉ sinh về cõi trời hoặc cõi người, nay họ được làm thân người đều tụ hội về đây, cũng cùng xuất gia làm Sa-môn, lãnh hội thọ trì kinh điển, giới luật, đều chứng đắc đạo quả. Nên biết vị Phạm chí thời đó, không phải là ai khác mà chính là thân Ta, quốc vương, thần dân và chúng của vị đại trưởng giả, nói chung là những người cùng tu học ở thời Đức Duy Vệ Như Lai Chí Chân, trước đã gieo giống thì nay thu hoạch, công đức không hề mất đi mà đều

tự đạt được. Lúc nghe Đức Phật thuyết giảng có vô số người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chí chân, ngay lúc đó được an trụ ở địa Bất thoái chuyển, thành bậc Nhất sinh bổ xứ, số lượng ấy không thể kể xiết, những người đắc quả A-la-hán cũng đông đảo như vậy. Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 41: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Biến Hối Dụ.

Tôi nghe như vầy: Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ, có một vị cư sĩ chán cuộc đời đau khổ, vạn vật vô thường, mọi tài sản hiện có của bản thân chỉ như ảo ảnh, sống gởi nơi cõi trời đất như khách qua đường, không một chút đáng để ham muốn, chỉ có giáo pháp chân chánh mới là vĩnh viễn trường tồn. Nhân đấy bèn xuất gia làm Sa-môn, tinh tấn không biếng trễ. Gốc của chí nguyện chưa đạt, nên ông liền đi vào trong núi, ở đấy ông ngày đêm tu hành không chút bê trễ, chẳng tiếc thân mạng, tu tập sáu pháp là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm và trí

tuệ, giữ gìn tâm ý không vọng động, nhưng rốt cuộc chẳng đạt được đạo quả, lòng ông biến đổi, hối hận về việc đã làm, muốn trở về với cuộc sống thế tục. Ông trước đây đã theo học đạo lâu năm, siêng năng chẳng hề dừng nghỉ, mà tâm vẫn mờ tối, không biết đâu là mục đích. Vốn lúc ở thế gian thường ưa bàn luận, miệng lưỡi lưu loát, nay ở trong núi không học hỏi thêm được gì, tiến lui chưa biết phải làm sao, không rõ nẻo về đâu, chi bằng cởi áo tu trở về với nghề nghiệp cũ, do dự chưa quyết định. Lúc ấy, thần núi, thần cây biết được, tiếc cho công phu tu tập của ông, nên muốn giúp ông thành tựu được sự nghiệp đã chọn, vì nếu để ông trở về nhà thì tâm ý tất bị nhiễm bao lỗi lầm cấu uế, cứ mãi dằn vặt về cuộc đời không sao nêu tả hết. Nhân đó, một vị thần hóa thân làm vị Tỳ- kheo-ni, mong muốn hóa giải các ý loạn động của ông ta, làm phát khởi đạo tâm và ý chí kiên định của con người đó. Vị Tỳ-kheo-ni này thân mang nhiều đồ châu báu, sắc mặt tươi sáng, hiếm có trên đời. Một vị thần nữa lại hóa làm một người con gái, dáng vẻ đoan chánh, sắc đẹp bậc nhất, phong độ rạng rỡ, không ai hơn được. Hai người nói với nhau: –Nàng là Tỳ-kheo-ni, sao thân lại đeo chuỗi anh lạc quý giá, môi miệng tươi đẹp như ngọc châu đỏ thắm? Vị Tỳ-kheo-ni nói: –Các thứ của báu như đồ huyễn hóa, môi miệng tươi đẹp chẳng qua như tranh vẻ rực rỡ, vẻ đoan chánh rõ ràng chỉ là chất mỡ bóng dáng bên ngoài, có gì đâu mà ham muốn. Như nàng đây, hôm nay thân sắc tuy tươi đẹp, như vẻ rực rỡ của hoa mùa xuân, nhưng thân người như quả sắp rụng, không ở mãi trên cây được, bốn đại hợp rồi tan, không có cái gì gọi là chủ đúng nghĩa, chỉ có cái tâm là gốc, ở trong ba cõi một mình qua lại không có gì đi theo. Họa phước đuổi theo thân như bóng với hình, ba cõi đều không, chẳng có gì để nương cậy. Do tội lỗi phủ che, với năm ấm, sáu thứ trùm lấp khiến tâm ý bế tắc, không thấu rõ các pháp thiền định, tam-muội. Vị Tỳ-kheo tu trong núi nghe những lời luận bàn ấy, tâm liền giác ngộ, biết rõ đúng như lời nói trên là: thân bốn đại vốn do nhân duyên hòa hợp, thân tham là tự hại, phân tích

rành rẽ thì nó vốn là không, giống như sống gởi. Xem mọi người trong mười phương không còn phân biệt thân sơ thì tâm ý đều cởi mở thông tỏ, các lậu được dứt sạch, gốc sinh tử đã dứt, tất không còn dấy sự phân biệt, ra vào tự tại không còn đắm nhiễm trần cấu. Vị Tỳ-kheo đã đạt đến sự hiểu biết thì núi rừng bỗng hiện ra như một đám mây nổi. Thân cây quỳ lạy, tự trần tình về nỗi cay đắng bị cuốn hút theo nẻo luân hồi trong ba cõi, bị năm ấm ngăn che, mười hai nhân duyên dẫn dắt nối tiếp không dứt. Xin vị Tỳ-kheo kia rủ lòng thương xót cứu giúp thoát khỏi sự phủ che ấy. Vị Tỳ-kheo liền vì vị thần cây đó mà thuyết giảng kinh khiến tâm vị thần mở rõ, phụng thọ năm giới, tu hành mười điều thiện, lánh xa ba đường ác, chút ít đạo tâm trước đây nay phát triển đến vô cùng, vào được nẻo chánh chân của Phật đạo. Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo: –Các ông đã rõ gốc ngọn rồi đấy, phải giữ lòng kiên định, việc phải đã quyết định không được hối hận. Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 42: Đức Phật Thuyết Dụ Về Chuyện Con Ngựa.

Ngày xưa, có một ông Trưởng giả nuôi một con ngựa tốt. Lúc đầu mới được ngựa, nó hay hung hăng không thể chế ngự nổi. Vừa đóng yên cương là nó cất hai vó trước chạy càn tứ tung không theo đường lối, vào nơi suối khe, rừng cây hoặc tường vách. Ông Trưởng giả chủ giận lắm, trở về nhà lấy roi đánh ngựa rất tàn nhẫn, chẳng cho ăn cỏ, uống nước gì cả, khiến ngựa cùng khốn đói khát, lòng buồn tự trách, chưa nghĩ ra kế, chưa biết làm thế nào thì trên không trung có tiếng bảo cho nó biết: –Hãy thuận theo chủ thì không có hoạn nạn. Khi đó, lòng ngựa hiểu rõ. Rạng ngày, ông Trưởng giả sắp cỡi ngựa, lấy yên cương mang vào thì con ngựa chịu ngay, chẳng còn nhảy nhót nữa, ông cỡi lên yên vững vàng, điều khiển dễ dàng, đi đây đi đó theo lệnh chủ chẳng dám trái. Về nhà, nó được cho ăn uống đầy đủ. Theo thời gian, nó trở nên béo tốt, khí lực sung mãn, về sau càng trở nên điều độ, nhu hòa. Rồi nó sinh được hai con, ngựa con đến tuổi trưởng thành, ông Trưởng giả cỡi, nó cũng lại nhảy nhót, chạy lung tung làm đứt dây cương, lại bị đánh đập, không thể sửa đổi, phải chịu đói khát. Nó nghĩ tới cái tai ương của mình đang gặp: ăn thì ăn cỏ ôi, uống thì uống nước suối bẩn, tự làm phải chịu, oán ai bây giờ! Đêm đến, ngựa con đi tìm gặp mẹ, quỳ xuống hỏi: –Hôm nay đại gia độc ác chưa từng thấy, đã chẳng cho ăn uống, lại còn đánh đập tàn nhẫn, mẹ một mình ở trên cao chẳng nghĩ đến thân thích, lúc nào đi lại cũng hớn hở, vui vẻ một mình, trông cao thấy xa như chim hồng, chim hộc, chẳng lo cho con cháu đang một mình gặp cảnh khốn khổ này. Ngựa mẹ đáp: –Đó là cái lỗi của bản thân con, oán trách ai đây? Nếu ông Trưởng giả thắng yên cương thì con phải chịu để người ta cỡi, thuận theo ý người ta điều khiển đi đây đi đó thì được thương yêu ngay, việc làm này rất dễ, vì con làm ngược lại nên mới bị cái họa ấy. Ngựa con nghe theo mẹ dạy. Sáng ngày liền làm theo lời mẹ. Ông Trưởng giả đi ngựa, nó an nhiên thuận theo lời người cỡi, bảo đi nó đi, bảo đứng nó liền đứng lại. Ông Trưởng

giả rất mừng, con ngựa đã thuần nên cho ăn uống đúng lúc, cùng với ngựa mẹ không khác. Giả mượn câu chuyện trên là để nêu dụ. Ông Trưởng giả là chỉ cho Đức Phật, con ngựa là chỉ cho những người theo học chẳng thọ Phật pháp, tâm ý phóng túng, chẳng theo nẻo giáo hóa của đạo pháp, cho nên phải thuyết giảng kinh giới để họ biết cách đi đứng, tới lui. Nhảy nhót, chạy đi không thể kiềm chế nên phải dùng gậy đánh là diễn dụ cho năm giới, mười thiện, nếu giữ thì được sinh lên ở các cõi trời, người, còn nếu phạm tội thì phải chịu nạn lao khổ trong ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Khổ nạn trong ba cõi, luân hồi qua lại, không một phút được yên. Như chẳng vi phạm điều ác, thọ trì năm giới, mười thiện thì được khai mở chuyển hóa. Thực hành các hạnh, bốn tâm vô lượng, sáu pháp Ba-la-mật, đạt được thần thông thì cùng với mười phương chư Phật được gặp gỡ, tiêu trừ ba độc, khử bỏ các lớp che phủ vây buộc. Ngựa con kia chạy theo ngựa mẹ quỳ dài thưa hỏi là ý dụ cho việc trước nghe theo lời thầy làm theo phép tắc, thầy thuyết giảng các hạnh nguyện cạn, sâu đều có chủ ý. Cho nên năm giới, mười điều thiện là nhân vì hàng chúng sinh ở cõi trời, người mà nêu giảng. Còn như các pháp không, vô tướng, vô nguyện, sáu độ, bốn đẳng tâm, bốn ân là nhằm đạt đến chỗ không còn sinh tử, không trụ ở cõi diệt độ, chứng được đạo quả chánh chân, dùng thần thông đi khắp ba cõi để độ thoát tất cả chúng sinh.

Kinh 43: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Tỳ-kheo-ni Hiện Biến.

Thuở xưa, thành Xá-vệ có tên là thành Câu-tát. Trong nước có các nhóm phóng đãng, dâm loạn, chuyên làm những việc hung ác, không theo đường ngay thẳng, cả nước lâm vào cảnh hoạn nạn, thật là tàn khốc, đau khổ. Các phe nhóm ấy như cùng đua nhau để làm điều nghịch ác. Quan nha tìm bắt, đuổi chúng đi nhưng không được. Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo-ni trong nước đều cùng đi du hóa, ở bên các gốc cây, tinh chuyên tu tập, tư duy về chánh đạo, tâm chẳng hề xao động. Trong số các Tỳ-kheo-ni ấy, người có trí tuệ hơn hết tên là Sai-ma, người có thần túc bậc nhất tên là Liên Hoa Tiên... ai ai cũng đều có đức hạnh và uy thần lồng lộng. Gặp tiết trời nóng nực muốn tắm rửa, họ cùng đến bên dòng suối. Bọn hung ác từ xa trông thấy liền sinh lòng xấu, ý dâm nổi lên muốn xúc phạm họ. Chúng chờ các vị Tỳ- kheo-ni cởi hết quần áo, vào trong nước tắm rửa thì liền đến lấy quần áo đem để nơi chỗ xa hầu dễ bề xúc phạm họ. Lúc ấy, có một Tỳ-kheo-ni thấy bọn chúng có ý xấu xa, trong lòng bà thản nhiên, thương hại cho sự ngu muội của chúng. Nhân đó, mà móc đôi mắt mình để trong lòng bàn tay, bảo cho bọn nghịch ác biết: –Các ngươi yêu ta chỉ vì ham chuộng sắc diện, nay ta mù rồi thì còn gì đẹp nữa đâu? Bà lại phơi bày cả ruột, dạ dày... ngũ tạng của thân thể, tay chân cùng các thứ khác bỏ sang một bên và bảo bọn hung ác: –Này, đẹp ở đó đấy! Bọn nghịch ác thấy vậy, bỗng nhiên sợ hãi, thấy đời là vô thường, sống trong ba cõi chỉ là sống gởi, thân thể kia là do kết hợp mà thành, máu xương đều chẳng sạch sẽ, không có gì đáng ham muốn. Chúng liền đem quần áo trả lại, cúi đầu ăn năn lỗi lầm vì đã làm điều không hay, trái nghịch không hợp đạo nghĩa, nguyện từ nay bỏ những việc làm gây ra tai họa kia. Chúng lại quỳ gối chắp tay xin thọ năm giới. Đến chỗ Đức Phật, chúng dập đầu sát đất, tự trách tội lỗi ấy, vì mù lòa không biết, bị mê muội lâu ngày nên làm ác nhiều quá, không hay là đời đời phải chịu nhiều tai họa, nguy khốn. Nay mong Đức Đại Thánh ban ân cứu giúp. Cảm kích cái đức của vị Tỳ-kheo-ni đã dùng đôi mắt để giáo hóa, bỏ điều tội lỗi

khiến tội lỗi nhẹ đi, được gần gũi với đạo giải thoát. Đức Phật nói: –Lành thay! Đã xa lìa đường ác, đang thành tựu dần dần, như cây hoa nở đầy cành thì quả trái cũng sum suê, hành động cũng như thế. Mọi người đều vui sướng cùng xin làm Sa-môn. Đức Phật liền chấp thuận, chỉ dạy thêm: –Khi đi xuất gia, lấy chánh tâm làm gốc, giữ gìn các căn, các tai ương hoàn toàn dứt trừ, năm thứ che lấp không còn tồn tại, ba độc bị tiêu diệt, làm con cháu Đức Phật, lìa bỏ sinh tử, tự nhiên được thần thông. Như thế mới biết rõ cái ân đức lớn lao của Phật.

Kinh 44: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Cô Độc.

Ngày xưa, có một người, lúc thiếu thời cô đơn, khổ cực, một thân một mình dốc sức canh tác trên một mảnh ruộng lớn có nhiều trâu bò cày, nhờ vậy mà thu hoạch được rất nhiều ngũ cốc, sữa, bơ, đề hồ, vô số rau quả các loại, cung cấp cho người tiêu dùng xa gần, thỉnh thoảng còn cho những kẻ nghèo cùng. Tiếng tăm đức hạnh vang khắp mười phương. Khi ấy, ông thuyết giảng cho mọi người hiểu ý của mình là phải sống cho có bạn có nhóm, còn đơn độc một mình thì không thể có được sự hòa hợp. Mọi người hiểu ý ông nên kéo đến sống cận kề, gia cư ngày càng nhiều, rồi lập nên thôn

xóm. Ông lấy vợ, sinh con, con khôn lớn, người thêm đông, người cha đã có tuổi, dạy bảo các con nên thi hành những việc tốt, giữ gìn thân khẩu ý, bố thí ân đức. Nhưng các con đều lầm lạc vi phạm, chẳng theo lời dạy của ông cho rằng cha nay đã già, sao chẳng an phận, những lời dạy đều sai dối, ai mà nghe theo. Người cha buồn bực về đám con, lòng tự nghĩ: "Ta vốn một mình làm nên sự nghiệp, bố thí khắp xa gần, không ai bì kịp, nay bị các con làm loạn thân tâm ta, không nghe lời ta dạy bảo, cầm bằng như không con." Đức Phật nói: –Con người vốn là tốt. Một mình mà trong sáng thì có thể đem ích lợi cho nhiều người. Phụng trì đức hạnh chân chánh, có sức quan sát hiểu biết tốt, nhưng chẳng hiểu được vạn vật vốn không, tự cho thân mình là có, nhân đó mới sinh ra cái mê lầm của năm ấm, sáu trần, do vì cái mê lầm ấy mà không đến được chỗ chân chánh của Phật đạo. Nếu sau biết rõ mọi vật trong ba cõi đều không thì năm ấm tiêu trừ, ba độc đều diệt, mới đến được với đạo Vô thượng Chánh chân. Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.